

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: **107/2020/HS-ST**

Ngày 02/11/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và bà Lê Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 107/2020/TLST- HS ngày 06 tháng 10 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXXST- HS ngày 19/10/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Tuấn A**; Sinh ngày 03/01/1997; Nơi cư trú: tổ 7, phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Xuân T, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1965; Anh, chị, em ruột: Có 03 người (01 người đã chết) bị cáo là thứ ba; Vợ, con: Chưa có.

* Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân:

- Ngày 14/11/2016 Công an phường M, thành phố Q xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000 đồng vì hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 08/6/2018 Công an phường Tân Quang, thành phố Q xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000 đồng vì hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

* Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố Q. Có mặt.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 7, phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 28/6/2020, Trần Tuấn A, cư trú tại tổ 7, phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang điều khiển xe mô tô BKS 22B1-790.34 (xe mượn của bà Hoàng Thị T, là mẹ đẻ của A) đi từ nhà đến uống nước tại quán trà chanh T-More thuộc phường M, thành phố Q. Sau khi uống nước, A để xe mô tô tại quán, thuê xe taxi đến khu vực chân Dốc Đỏ thuộc phường N, thành phố Q, mục đích tìm mua Methamphetamine để sử dụng. A gặp và mua của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ được 01 gói Methamphetamine bọc ngoài bằng nilon màu trắng với số tiền 300.000 đồng, A cất giấu trong túi quần rồi đi xe taxi về quán trà chanh T-More, lấy xe mô tô đi về nhà; khi đến đường Quang Trung, thuộc tổ 11, phường P, thành phố Q thì bị Tổ công tác Công an thành phố Q phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 21 giờ cùng ngày, A tự giác giao nộp gói nilon màu trắng bên trong chứa Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 539/GĐKTHS ngày 01/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Mẫu vật thu giữ của Trần Tuấn A, gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng 0,172g (Không phải một bầy hai gam).

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Trần Tuấn A, kết quả (+) dương tính có chất ma túy trong cơ thể. Trần Tuấn A khai nhận ngày 26/6/2020 đã sử dụng Methamphetamine.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Tuấn A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của Tuấn Anh còn được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (Bút lục 01, 02), Kết luận giám định (Bút lục 37) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 108/CT-VKSTP ngày 05 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố bị cáo Trần Tuấn A về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Tuấn A về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Tuấn A từ 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù đến 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù; Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong, trên các mép dán có chữ ký của Trần Tuấn A, chữ ký của các thành phần tham gia, có 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang bên trong có 0,122 gam Methamphetamine (số còn lại sau khi lấy mẫu giám định); Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Tuyên quyền kháng cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Tuấn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục nhận tội, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Q, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Tuấn A tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ; kết luận giám định và cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 21 giờ ngày 28/6/2020, tại tổ 11, phường P, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Trần Tuấn A, cư trú tại tổ 7, phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,172g (Không thấy một bầy hai gam) Methamphetamine, mục đích để sử dụng.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định, cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh phòng, chống tội phạm và bài trừ tệ nạn ma túy trên địa bàn thành phố Q. Bị cáo có nhân thân xấu, 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không lấy làm bài học rút kinh nghiệm mà còn tiếp tục vi phạm pháp luật, qua đó đánh giá ý thức chấp

hành pháp luật của bị cáo còn kém. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy tuyên phạt bị cáo với mức án trên mức khởi điểm 01 (tháng) là phù hợp.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên; không có tài sản gì có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q.

[6] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo, ngày 26/6/2020 Công an thành phố Q đã xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 500.000 đồng) tại quyết định số 002503 ngày 16/7/2020;

Đối với bà Hoàng Thị T, là người cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô BKS 22B1-790.34, quá trình điều tra xác định xe mô tô đăng ký chủ xe là Trần Trung T, là anh trai của bị cáo nhưng T đã chết năm 2017 nên xe do bà T quản lý và sử dụng; bà T không biết bị cáo mượn xe đi đâu, làm gì nên không xem xét xử lý.

Đối với người đàn ông, theo bị cáo khai nhận là người bán Methamphetamine cho bị cáo tại khu vực chân Dốc Đỏ, thuộc phường N, thành phố Q nhưng không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để điều tra, xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng:

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo 01 túi nilon màu trắng bên trong Methamphetamine và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS 22B1-790.34.

Đối với số Methamphetamine sau khi lấy mẫu giám định khối lượng còn lại là 0,122 gam, xét thấy đây là chất nhà nước cấm tàng trữ, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS 22B1-790.34 ngày 17/7/2020, đã trả lại xe cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Hoàng Thị T, bà T không có yêu cầu gì về xe. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[8] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Tuấn A phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 01 (một) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (28/6/2020).

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong, trên các mép dán có chữ ký của Trần Tuấn A, chữ ký của các thành phần tham gia, có 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang bên trong có 0,122 gam Methamphetamine (số còn lại sau khi lấy mẫu giám định)

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q ngày 13/10/2020

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án 02/11/2020./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Công an tp Tuyên Quang;
- Chi cục THDS tp Tuyên Quang;
- UBND phường M;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiên - Lê Thị Thảo

Vương Thị Lan

